TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49**/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 11-10 - 2019
"Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị A-nđ, sinh năm 1997. Địa chỉ: ấp N H, xã VKĐ, huyện An Minh, Kiên Giang. Có mặt

Bị đơn: Anh Lưu Nhật M-bđ**,** sinh năm 1996. Địa chỉ: Kp 3, thị trấn T11, huyện An Minh, Kiên Giang. Nơi ở hiện nay: ấp Th P, xã Đ T, huyện An Minh, Kiên Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22-02-2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị A-nđ trình bày và yêu cầu như sau:

Chị và anh M-bđ quen biết nhau trước rồi được gia đình 2 bên tổ chức lễ cưới vàotháng 01 năm 2016al; sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã VKĐ vào ngày 07/9/2018. Vợ chồng sống chung đầm ấm một thời gian thì phát sinh mâu

thuẩn do bất đồng về cuộc sống, anh M-bđ thường hay chửi và có lúc đánh chị. Đến tháng 01 năm 2019 thì ly thân nhau cho đến nay.

Về con chung có 01 đứa con tên Lưu Hiền N-lq, sinh ngày 09/11/2016. Hiện cháu N-lq đang sống với chị A-nđ. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Chị A-nđ khởi kiện xin ly hôn với anh M-bđ; xin nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh M-bđ trình bày: Anh, chị quen biết nhau rồi mới đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã VKĐ vào ngày 07/9/2018. Anh M-bđ thừa nhận có lúc đã chửi và đánh vợ (chị A-nđ). Anh, chị có 01 con chung tên Lưu Hiền N-lq, sinh ngày 09/11/2016, hiện đang sống với chị A-nđ. Về tài sản và nợ chung: không có.

Anh M-bđ xin được có thời gian để hàn gắn, đoàn tụ vì con thương vợ, thương con.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn chị A-nđ xin ly hôn với anh M-bđ; về con xin được nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; chị A-nđ xác định hiện đang làm nghề làm móng với thu nhập khoảng 5 triệu đồng/tháng nên đủ điều kiện nuôi con; về tài sản chung và nợ, không có nên không yêu cầu.

- Bị đơn anh M-bđ vắng mặt nên không có lời trình bày.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn anh M-bđ không tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đúng theo quy định; việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX xử cho chị A-nđ ly hôn với anh M-bđ; về con giao chị A-nđ nuôi, anh M-bđ không phải cấp dưỡng; tài sản, nợ không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh M-bđ vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách

quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh M-bđ.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị A-nđ và anh M-bđ chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã VKĐ, huyện An Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07-9-2018 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Chị A-nđ và anh M-bđ sống chung một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh, chị có nhiều bất đồng về quan điểm, không hòa hợp về cách sống, có lúc xô xát nhau dẫn đến ly thân từ tháng 01 năm 2019. Trong thời gian ly thân tương đối dài anh, chị chưa có những thay đổi, biện pháp tốt để đoàn tụ. Anh M-bđ xin hàn gắn với lý do còn thương vợ, thương con nhưng trong thời gian ly thân anh M-bđ chưa chủ động trong biện pháp hàn gắn, chưa thật sự thể hiện nguyện vọng, tình cảm và mong ước đoàn tụ; không tham gia phiên tòa để thể hiện mong muốn đoàn tụ. Trong khi đó, chị A-nđ cương quyết xin ly hôn. Từ đó cho thấy giữa anh M-bđ với chị A-nđ mục đích hôn nhân đã không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị A-nđ được ly hôn với anh M-bđ.

[4] Về con chung, chị A-nđ và anh M-bđ có 01 con chung tên Lưu Hiền N-lq, sinh ngày 09-11-2016 hiện đang sống chung chị A-nđ. Chị A-nđ có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn; anh M-bđ đồng ý. Thấy rằng, trong thời gian qua, chị A-nđ đã trực tiếp nuôi dưỡng con tốt, chưa xảy ra sơ xuất nên HĐXX quyết định giao cho chị A-nđ tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, chị A-nđ không yêu cầu anh M-bđ cấp dưỡng nuôi con cùng chị sau khi ly hôn; việc không yêu cầu là tự nguyện và nghề nghiệp, thu nhập của chị A-nđ đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, HĐXX ghi nhận ý kiến của chị A-nđ, anh M-bđ không phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị A-nđ và anh M-bđ không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí, nguyên đơn chị A-nđ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 55, khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lê Thị A-nđ, sinh năm 1997 và anh Lưu Nhật M-bđ, sinh năm 1996.

2. Về con chung: Giao cháu Lưu Hiền N-lq, sinh ngày 09-11-2016 cho chị Lê Thị A-nđ tiếp tục nuôi dưỡng (cháu N-lq hiện đang chung sống với chị A-nđ). Anh M-bđ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị A-nđ không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí, chị Lê Thị A-nđ chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0006193 ngày 19-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị A-nđ đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị A-nđ có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11-10-2019).

Anh M-bđ **vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã VKĐ, AM;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công

Lê Chí Công